

PHỤ BIỂU 27. ĐƠN VỊ: HUYỆN MUỜNG LÁT
DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH, HỘ CÒN KHÓ
KHĂN VỀ NHÀ Ở THUỘC DIỆN ĐƯỢC HỖ TRỢ XÂY DỰNG NHÀ Ở
TRONG 2 NĂM 2024-2025

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường /thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
I	Số hộ nghèo						
1.	Hộ nghèo có thành viên là đối tượng bảo trợ xã hội, đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng (người cao tuổi, người khuyết tật, đơn thân)						
1	Lương Văn Ne	02/06/1986	38086037324	Bản Chai	Mường Chanh	1	
2	Lò Văn Móc	10/06/1972	38072036295	Bản Piềng Tật	Mường Chanh	1	
3	Vi Thị Phụn	15/04/1981	38181031735	Bản Ngổ	Mường Chanh	1	
4	Hoàng Seo Vư	17/04/1982	10082000086	Bản Muống 1	Mường Lý	1	
5	Hoàng Seo Vư	01/01/1992	38092015842	Bản Muống 1	Mường Lý	1	
6	Hoàng Seo Đế	10/07/1993	38093012793	Bản Muống 1	Mường Lý	1	
7	Thào Seo Chệnh	31/01/1959	10059003379	Bản Muống 1	Mường Lý	1	
8	Thào Seo Là	02/02/1998	38098020562	Bản Muống 1	Mường Lý	1	
9	Vàng A Chua	12/05/1985	14085009197	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
10	Vàng A Lử	11/08/1945	14045000003	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
11	Vàng A Páo	27/03/1967	14065004553	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
12	Giàng A Sầu	15/08/1958	38058011361	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
13	Giàng A Sỷ	15/02/1967	38067022776	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
14	Giàng A Sính	18/05/1977	38077015130	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
15	Sùng Thị Giang	07/10/1981	14181000210	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
16	Giàng A Giang	01/01/1984	14084000151	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
17	Vàng A Sếnh	15/05/1969	10069003582	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
18	Giàng Tả Vư	21/05/1974	10074004127	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
19	Cư A Lành	01/01/1968	2068000015	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
20	Sung Chia Gia	09/11/1937	38037000668	Bản Chim	Nhi Sơn	1	
21	Thao Văn Ly	05/05/1979	38079028421	Bản Pá Hộc	Nhi Sơn	1	
22	Sung Thị Mo	01/01/1948	38148003708	Bản Cơm	Pù Nhi	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
23	Hơ Dính Pó	15/11/1981	38081004158	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
24	Vi Thị Pía	01/01/1950	38150017694	Bản Lát	Tam Chung	1	
25	Vàng A Páo	08/09/1947	2047001542	Bản Ón	Tam Chung	1	
26	Thào Seo Ly	12/07/1945	10045000006	Bản Cá Giáng	Trung Lý	1	
27	Giàng A Giả	01/01/1931	10031001287	Bản Khăm 2	Trung Lý	1	
28	Lương Văn Sơn	20/03/2003	38203036489	Bản Táo	Trung Lý	1	
29	Lương Thị Hòm	10/07/1954	38154021411	Bản Táo	Trung Lý	1	
30	Hà Văn Hiên	19/07/1958	38058025371	Bản Lìn	Trung Lý	1	
31	Lương Thị Pén	15/12/1940	38140009588	Bản Lìn	Trung Lý	1	
32	Sùng A Đế	11/01/1993	14093008224	Bản Hộc	Trung Lý	1	
33	Ngân Văn Biều	01/01/1980	38080025229	Bản Co Cài	Trung Lý	1	
2.	Hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc						
34	Vàng A Chà	04/07/1966	14066000049	Bản Chà Lan	Mường Lý	1	
35	Giàng Seo Đa	25/11/1993	38093038684	Bản Muống 1	Mường Lý	1	
36	Giàng Seo Áo	01/01/1988	10088006008	Bản Muống 1	Mường Lý	1	
37	Hoàng Seo Quảng	06/09/1992	38092013330	Bản Muống 1	Mường Lý	1	
38	Hơ Seo Lù	09/09/1961	38061021102	Bản Nàng 2	Mường Lý	1	
39	Lâu Văn Va	20/06/2022	38202022458	Bản Nàng 2	Mường Lý	1	
40	Vàng A Su	01/12/1997	38097011218	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
41	Vàng A Làng	02/10/1972	14072006352	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
42	Vàng A Chư	16/07/1994	38094026201	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
43	Vàng A Mua	01/01/1951	14051002202	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
44	Vàng A Pó Đế	20/11/2000	38200014703	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
45	Vàng A Hành	02/11/1986	14086013109	Bản Sài Khao	Mường Lý	1	
46	Lương Văn Bình	13/01/1976	38076025322	Bản Trung Tiến	Mường Lý	1	
47	Ngân Văn Phào	15/05/1984	38084037123	Bản Trung Tiến	Mường Lý	1	
48	Giàng A Sênh	01/01/1967	14067000037	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
49	Thào Thị Sai	06/12/1976	38176030243	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
50	Giàng A Giáo	01/01/1984	38084027919	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
51	Giàng A Măng	16/01/1990	14090000067	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
52	Giàng A Vàng	01/01/1997	38097022828	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
53	Giàng A Thào	16/07/1994	38094041494	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
54	Giàng A Thống	01/01/1991	38091034892	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
55	Giàng A Phênh	01/01/1970	38070029891	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
56	Giàng A Seng	03/04/1994	38094027147	Bản Trung Thắng	Mường Lý	1	
57	Mua Seo Phử	13/09/1990	10090010136	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
58	Giàng Thị Sớ	29/05/1976	10176000081	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
59	Giàng A Páo	18/06/1963	10063000034	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
60	Mua A Pao	01/01/1971	10071000083	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
61	Vàng A Sênh	06/03/1982	10082000104	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
62	Cư A Dừng	10/03/1989	38089006742	Bản Xì Lò	Mường Lý	1	
63	Lâu Thị Xi	02/11/1986	38186026609	Bản Cật	Nhi Sơn	1	
64	Sung Văn Dính	29/10/1975	38075010527	Bản Cật	Nhi Sơn	1	
65	Thao Văn Di	12/06/2000	38200026820	Bản Lốc Há	Nhi Sơn	1	
66	Va Văn Chá	09/08/1975	38075033705	Bản Lốc Há	Nhi Sơn	1	
67	Thao Văn Tông	10/08/1985	14085008364	Bản Lốc Há	Nhi Sơn	1	
68	Thao Văn Va	01/01/1959	38059023032	Bản Pá Hộc	Nhi Sơn	1	
69	Tặng Văn Cầu	04/02/1986	38086048258	Bản Pù Quăn	Pù Nhi	1	
70	Triệu Xanh Vần	10/12/1960	38060034449	Bản Pù Quăn	Pù Nhi	1	
71	Chá Văn Di	06/05/1978	38078018647	Bản Hua Pù	Pù Nhi	1	
72	Chá Ly Pó	15/02/1980	38080010319	Bản Hua Pù	Pù Nhi	1	
73	Chá Văn Di	13/06/1982	38082014566	Bản Hua Pù	Pù Nhi	1	
74	Thao Dên Pó	07/12/1972	38072034618	Bản Com	Pù Nhi	1	
75	Hơ Chá Ly	15/02/1962	38062030647	Bản Com	Pù Nhi	1	
76	Sung Văn Lâu	15/06/1983	38083035396	Bản Com	Pù Nhi	1	
77	Hơ Ly Pó	05/07/1976	38076024157	Bản Com	Pù Nhi	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
78	Hơ Văn Đua	01/01/1965	38065038289	Bản Com	Pù Nhi	1	
79	Hơ Văn Gia	15/05/1993	38093028840	Bản Com	Pù Nhi	1	
80	Thao Văn Sự	15/02/1992	38092014411	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
81	Thao Văn Chá	11/03/1988	38088046367	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
82	Va Văn Cựa	13/01/2001	38201007883	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
83	Va Nhia Chớ	01/05/1965	38065005363	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
84	Thao Văn Va	08/04/1972	38072005356	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
85	Va Thị Mị	01/01/1963	38163034323	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
86	Va Văn Lự	13/09/1999	38099015523	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
87	Thao Văn Pó	03/05/1980	38080032102	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
88	Va Văn Hự	15/03/1989	38089011891	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
89	Thao Văn Mua	04/06/1990	38090029703	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
90	Thao Văn Chai	17/03/1986	38086033619	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
91	Thao Văn Lực	07/11/1986	38086026084	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
92	Hơ Văn Lênh	03/03/1957	38057016110	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
93	Hơ Giồng Va	17/05/1965	38065036332	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
94	Hơ Bảy Đế	10/04/1957	38057010414	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
95	Hơ Văn Chính	12/06/1992	38092032628	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
96	Hơ Văn Đua	19/07/1978	38078031508	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
97	Thao Thị Chia	02/08/1972	38172027865	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
98	Thao Thị Xia	19/08/1980	38180019990	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
99	Hơ Văn Tung	01/01/1974	38074022182	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
100	Hơ Lâu Pó	15/05/1975	38075022847	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
101	Lâu Văn Va	09/07/1987	38087050284	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
102	Lâu Văn Va	06/10/1962	14062005007	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
103	Lâu Văn Di	05/03/1996	38096021984	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
104	Thao Văn Sái	30/03/1993	38093040257	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
105	Hơ Dính Pó	08/07/1997	38097026883	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
106	Lâu Cá Dính	07/12/1981	38081017788	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
107	Lâu A Của	05/09/1991	14091000082	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
108	Lâu Văn Lâu	18/08/2001	38201020828	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
109	Lâu Văn Chá	02/11/1994	14094009199	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
110	Hơ Văn Súa	06/11/1989	38089031411	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
111	Lâu Chá Hơ	13/03/1964	38064034119	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
112	Lâu Văn Chá	13/10/1999	38099025174	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
113	Chá Thị Dưa	10/02/1959	38159027820	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
114	Thao Thị Dưa	14/08/1964	38164016870	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
115	Hơ Văn Pó	05/04/1979	38079019834	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
116	Hơ Văn Thái	17/04/1982	38082007948	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
117	Hơ Văn Di	09/03/1961	38061011638	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
118	Hơ Văn Hơ	08/10/1994	38094034202	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
119	Hơ Văn Dính	01/03/1983	38083006019	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
120	Hơ Văn Sính	19/06/1970	38070028695	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
121	Hơ Văn Kỷ	20/09/1981	38081002365	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
122	Hơ Văn Pó	05/10/1980	38080013869	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
123	Hơ Văn Chứ	15/05/1978	38078008759	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
124	Hơ Văn Cựa	09/02/1990	38090011923	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
125	Hơ Ly Pó	01/09/1989	38089004749	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
126	Hơ Trà Sung	15/12/1987	38087010711	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
127	Chá Văn Tông	27/05/2002	38202009636	Bản Hua Pù	Pù Nhi	1	
128	Hà Văn Iếng	19/11/1958	38058005170	Bản Co Cài	Quang Chiểu	1	
129	Lò Thị Xe	15/02/1951	38151007209	Bản Co Cài	Quang Chiểu	1	
130	Phan Văn Lầu	05/06/1990	38090056063	Bản Con Dao	Quang Chiểu	1	
131	Phan Văn San	09/03/1986	38086017776	Bản Con Dao	Quang Chiểu	1	
132	Tặng Văn Ú	15/10/1957	38057022720	Bản Con Dao	Quang Chiểu	1	
133	Ngân Văn Sời	20/03/1983	38083020418	Bản Cúm	Quang Chiểu	1	
134	Hà Văn Thới	20/02/1995	38095031670	Bản Cúm	Quang Chiểu	1	
135	Giang Văn Hường	23/06/1992	38092006518	Bản Hạm	Quang Chiểu	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
136	Lương Văn Nghít	17/05/1959	38059014065	Bản Hạm	Quang Chiểu	1	
137	Hơ Thị Dưa	09/03/1964	38164007938	Bản Pù Đưa	Quang Chiểu	1	
138	Lâu Văn Lênh	06/04/1985	38085021655	Bản Pù Đưa	Quang Chiểu	1	
139	Thao Pó Lâu	03/03/1977	38077021068	Bản Pù Đưa	Quang Chiểu	1	
140	Thao Sái Lâu	09/12/1970	38070025987	Bản Pù Đưa	Quang Chiểu	1	
141	Lâu Chư Cựa	09/09/1956	38056021394	Bản Pù Đưa	Quang Chiểu	1	
142	Vi Văn Mò	29/08/1965	38065009129	Bản Pùng	Quang Chiểu	1	
143	Phan Thị Lai	11/03/1982	38182010264	Bản Suối Tút	Quang Chiểu	1	
144	Tặng Văn Chiểu	29/08/1988	38088038519	Bản Suối Tút	Quang Chiểu	1	
145	Lương Thị Chiến	06/12/1973	38173008039	Bản Tân Hương	Tam Chung	1	
146	Hà Văn Siết	09/07/1959	38059018929	Bản Tân Hương	Tam Chung	1	
147	Sùng A Phênh	25/05/2000	38200022528	Bản Ón	Tam Chung	1	
148	Giàng A Sừ	15/07/1987	2087000029	Bản Ón	Tam Chung	1	
149	Giàng A Sừ	01/01/1969	15069004762	Bản Ón	Tam Chung	1	
150	Phàng A Châu	01/01/1986	14086012619	Bản Ón	Tam Chung	1	
151	Sùng A Vàng	06/03/2001	38200017089	Suối Lóng	Tam Chung	1	
152	Giàng A Pó	15/06/1996	38096025479	Suối Lóng	Tam Chung	1	
153	Sùng Seo Sang	10/08/2000	2200008332	Bản Pom Khuông	Tam Chung	1	
154	Ngân Văn Thọ	08/09/1999	38099014701	Bản Cản	Tam Chung	1	
155	Lò Văn Sài	03/10/1972	38072037364	Bản Cản	Tam Chung	1	
156	Lương Văn Ờng	23/06/1985	38085049692	Bản Cản	Tam Chung	1	
157	Hạng A Sang	16/06/2000	38200019129	Bản Pom Khuông	Tam Chung	1	
158	Hờ A Chúng	16/06/1999	38099022367	Bản Suối Phái	Tam Chung	1	
159	Cứ Thị Sáo	01/12/1983	10183004753	Bản Ón	Tam Chung	1	
160	Lò Văn Chiêm	15/07/1980	38080002309	Khu phố Na Khả	Thị trấn	1	
161	Vàng A Lử	05/09/1960	14060000040	Bản Cá	Trung Lý	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
				Giáng			
162	Vàng A Lử	13/08/2001	38201012811	Bản Cá Giáng	Trung Lý	1	
163	Sùng A Thanh	20/11/1992	10092009061	Bản Cá Giáng	Trung Lý	1	
164	Giàng A Vảng	20/10/1985	10085003393	Bản Cá Giáng	Trung Lý	1	
165	Vàng A Trư	01/08/1997	38097021851	Bản Cá Giáng	Trung Lý	1	
166	Lầu A Gầu	18/10/1985	14085000173	Bản Cá Giáng	Trung Lý	1	
167	Vàng A Thu	30/03/2003	38203015779	Bản Cá Giáng	Trung Lý	1	
168	Sùng A Po	25/07/1989	10089008861	Bản Cá Giáng	Trung Lý	1	
169	Vàng A Vinh	21/08/2002	38202004652	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
170	Vàng A Pó	10/08/1998	15098000020	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
171	Giàng A Sành	01/01/1999	14099007849	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
172	Vàng A Chua	02/04/1989	15089010861	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
173	Giàng Thị Pà	01/01/1976	14176006414	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
174	Giàng A Tựa	01/02/1972	14072000059	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
175	Giàng A Súa	01/01/1980	14080006795	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
176	Giàng A Tải	01/01/1987	14087006706	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
177	Giàng A Tú	08/02/1987	14087013912	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
178	Giàng A Nú	12/06/2001	38201012807	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
179	Giàng A Thái	01/01/1982	38082012738	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
180	Vàng Nhìa Lay	01/01/1962	15062004595	Bản Cánh Cộng	Trung Lý	1	
181	Lù A Say	27/04/1998	38098015172	Bản Tà Cóm	Trung Lý	1	
182	Sùng A Đế	17/04/2000	38200031747	Bản Tà Cóm	Trung Lý	1	
183	Sùng A Cáng	01/01/1999	38099016270	Bản Tà Cóm	Trung Lý	1	
184	Giàng A Sì	01/01/1977	10077000086	Bản Khăm 2	Trung Lý	1	

[illegible]

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường /thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
1.	Hộ cận nghèo						
213	Lương Văn Thao	01/04/1984	38084033063	Bản Mau	Mường Lý	1	
214	Giàng A Hờ	06/07/1975	10075000085	Chà Lan	Mường Lý	1	
215	Ma Văn Nhà	02/12/1981	10081000100	Chà Lan	Mường Lý	1	
216	Ngân Thị Tơ	24/08/1984	38184045827	Nàng 1	Mường Lý	1	
217	Vàng A Pó	05/04/1972	10072002977	Bản Xi Lồ	Mường Lý	1	
218	Vàng A Giàng	27/04/1994	38094040576	Sài Khao	Mường Lý	1	
219	Thao Văn Va	23/04/1976	38076021886	Pá Hộc	Nhi Sơn	1	
220	Hơ Thị Sế	16/02/1970	38170033851	Pá Hộc	Nhi Sơn	1	
221	Lương Văn Hân	19/08/1996	38096028034	Bản Na Tao	Pù Nhi	1	
222	Lò Văn Giáp	24/12/1986	38086013510	Bản Na Tao	Pù Nhi	1	
223	Thao Dị Lênh	01/10/1979	38079009466	Bản Pù Ngựa	Pù Nhi	1	
224	Thao Văn Chạ	09/09/1967	14067007924	Bản Pù Ngựa	Pù Nhi	1	
225	Thao Văn Tho	15/01/1987	38087028021	Bản Pù Ngựa	Pù Nhi	1	
226	Hơ Văn Dế	14/07/1993	38093011481	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
227	Hơ Ly Lia	01/01/1954	38054010603	Bản Cá Tớp	Pù Nhi	1	
228	Lâu Văn Lênh	08/09/1989	38089015425	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
229	Lâu Chông Hơ	05/03/1960	38060002622	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
230	Hơ Văn Va	01/08/1988	38088044488	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
231	Thao Thị Pa	20/12/1987	38187035539	Bản Pù Toong	Pù Nhi	1	
232	Thao Văn Cầu	07/07/1978	38078011388	Bản Pù Toong	Pù Nhi	1	
233	Hơ Thị Tre	06/10/1976	38176010755	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
234	Hơ Văn Chứ	06/11/1961	38061014135	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
235	Hơ Văn Dế	05/09/1978	38078031237	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
236	Va Thị Ly	08/06/1980	38180007013	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
237	Hơ Va Cho	25/06/1970	38070008476	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
238	Hơ Văn Pọng	15/09/1982	38082012739	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
239	Hơ Minh Pó	15/03/1990	38090021620	Bản Cá Nội	Pù Nhi	1	
240	Hơ Hơ Pó	05/06/1992	38092034105	Cá Nội	Pù Nhi	1	
241	Vi Văn Sự	30/08/1991	38091048376	Bản Pọng	Quang	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
					Chiều		
242	Thao Văn Tông	10/03/1978	38078022144	Bản Pù Đưa	Quang Chiểu	1	
243	Vi Văn Duẩn	13/04/1990	38090029966	Bản Bàn	Quang Chiểu	1	
244	Lương Văn Pọm	29/10/1975	38075001870	Khu phố Na Khà	Thị trấn	1	
245	Phạm Văn Lùng	17/06/1983	38083047816	Khu phố Na Khà	Thị trấn	1	
246	Hà Thị Tình	20/08/1982	38182036360	Khu phố Chiềng Cồng	Thị trấn	1	
247	Hà Minh Thành	15/04/1975	38075034438	Khu phố Chiềng Cồng	Thị trấn	1	
248	Hà Văn Ổn	19/10/1986	38086043024	Khu phố Chiềng Cồng	Thị trấn	1	
249	Hờ A Sổng	13/03/1986	15086003822	Bản Cánh Cọng	Trung Lý	1	
250	Vàng A Sợi	15/03/2002	38202011819	Bản Khăm 2	Trung Lý	1	
251	Giàng A Hòa	01/01/1981	10081006251	Bản Khăm 2	Trung Lý	1	
252	Thào A Tánh	19/08/1986	10086006942	Bản Khăm 2	Trung Lý	1	
253	Giàng A Sáng	06/08/1993	10093007308	Bản Khăm 2	Trung Lý	1	
254	Vàng A Cợ	15/10/1984	14084012903	Bản Khăm 1	Trung Lý	1	
255	Lương Văn Thụ	19/06/1993	38093036141	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
256	Hà Văn Thếp	19/03/1962	38062029236	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
257	Vi Văn Huần	25/11/1987	38087007907	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
258	Lộc Văn Thính	08/05/1967	38067002935	Bản Táo	Trung Lý	1	
259	Hà Thị Hòn	14/10/1973	38173034903	Bản Táo	Trung Lý	1	
260	Lương Văn Hiếu	23/09/1993	38093045355	Bản Táo	Trung Lý	1	
261	Hà Thị Quê	01/01/1983	38183013587	Bản Táo	Trung Lý	1	
262	Hoàng Thị Toàn	23/03/1976	38176003085	Bản Táo	Trung Lý	1	
263	Lộc Văn Nhớ	05/09/2000	38200021865	Bản Táo	Trung Lý	1	
264	Lục Hoàng Vĩnh Thu	02/12/1989	38089040593	Bản Táo	Trung Lý	1	
265	Lục Văn Kỳ	01/02/1978	38078031074	Bản Táo	Trung Lý	1	
266	Lương Thị Mòn	16/02/1965	38165003779	Bản Táo	Trung Lý	1	
267	Lương Thị Mòn	18/05/1954	38154015208	Bản Táo	Trung Lý	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
268	Lương Thị Niềng	02/09/1959	38159017997	Bản Táo	Trung Lý	1	
269	Ngân Thị Hiền	08/09/1965	38165005632	Bản Táo	Trung Lý	1	
270	Ngân Thị Tầm	16/02/1968	38168003638	Bản Táo	Trung Lý	1	
271	Đình Công Khìn	08/04/1982	38082007900	Bản Lìn	Trung Lý	1	
272	Vi Văn Lục	14/07/1986	38086034623	Bản Lìn	Trung Lý	1	
2.	Hộ có thành viên là người có công với cách mạng còn khó khăn về nhà ở						
273	Lò Văn Sinh	07/02/1961	38061013781	Trung Tiến	Mường Lý	1	
3.	Hộ còn khó khăn về nhà ở do thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất						
274	Lò Thị Thoàn	09/08/1985	38185028908	Bản Bồng	Mường Chanh	1	
4.	Hộ ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc						
275	Lộc Văn Tươi	15/01/1986	38086004757	Bản Cang	Mường Chanh	1	
276	Lương Văn Thân	30/03/1976	38076020053	Bản Piềng Tắt	Mường Chanh	1	
277	Lương Văn Tâm	14/09/1999	38099027126	Bản Na Chùa	Mường Chanh	1	
278	Ngân Văn Khin	09/02/1986	38086012583	Bản Mau	Mường Lý	1	
279	Lò Văn Tời	05/05/1990	38090045304	Bản Mau	Mường Lý	1	
280	Lương Văn Buôn	09/05/1958	38058024256	Bản Mau	Mường Lý	1	
281	Tráng A Sớ	06/03/2001	38201014686	Chà Lan	Mường Lý	1	
282	Vi Văn Lịch	12/01/1984	38084044608	Bản Kít	Mường Lý	1	
283	Hà Thị Thuởng	26/07/1952	38152003495	Bản Kít	Mường Lý	1	
284	Vàng A Lễ	10/05/1991	14092007504	Sài Khao	Mường Lý	1	
285	Vàng A Chợ	06/06/1985	14085012197	Sài Khao	Mường Lý	1	
286	Thao Ly Nhia	09/08/1957	38057005872	Kéo Hượn	Nhi Sơn	1	
287	Thao Văn Gia	01/09/1980	38080033636	Kéo Hượn	Nhi Sơn	1	
288	Thao Ly Chu	21/10/2001	38201019268	Kéo Hượn	Nhi Sơn	1	
289	Sung Sĩ Di	08/02/1999	38099008113	Bản Chim	Nhi Sơn	1	
290	Sung Thị Lu	01/02/1989	38189025451	Bản Chim	Nhi Sơn	1	
291	Gia Thị Cợ	01/01/1970	38170032165	Bản Chim	Nhi Sơn	1	
292	Sung Văn Chá	25/08/1995	38095012967	Bản Chim	Nhi Sơn	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
293	Sung Văn Tựa	10/09/1999	38099016155	Bản Chim	Nhi Sơn	1	
294	Sung Văn Va	10/10/2002	38202030528	Bản Chim	Nhi Sơn	1	
295	Sung Văn Chứ	22/10/1996	38096016606	Bản Cật	Nhi Sơn	1	
296	Tặng Văn Cầu	01/02/1982	38082011514	Bản Pù Quăn	Pù Nhi	1	
297	Lâu Xáy Pó	02/06/1980	38048001979	Bản Na Tao	Pù Nhi	1	
298	Hơ Văn Lênh	15/07/1991	38091016737	Bản Na Tao	Pù Nhi	1	
299	Ly Chá Pó	09/12/1979	38079033445	Bản Hua Pù	Pù Nhi	1	
300	Va Văn Lự	03/07/1996	38096008022	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
301	Thao Văn Lâu	02/03/1986	38086015281	Bản Pù Ngùa	Pù Nhi	1	
302	Lâu Văn Hơ	12/09/1987	38087019941	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
303	Va Dị Lênh	15/04/1982	38082014567	Bản Cá Nọi	Pù Nhi	1	
304	Hơ Khua Pó	01/10/1965	38065003526	Bản Cá Nọi	Pù Nhi	1	
305	Hơ Văn Ly	09/12/1995	38095022188	Bản Cá Nọi	Pù Nhi	1	
306	Hơ Văn Tho	05/04/1973	38073018589	Bản Cá Nọi	Pù Nhi	1	
307	Hơ Văn Cựa	06/12/1993	38093041821	Bản Cá Nọi	Pù Nhi	1	
308	Hơ Chá Pó	05/04/1975	38075019583	Bản Cá Nọi	Pù Nhi	1	
309	Hơ Văn Cựa	07/10/1977	38077007872	Bản Cá Nọi	Pù Nhi	1	
310	Chá Văn Chứ	01/01/1982	38082040827	Pù Toong	Pù Nhi	1	
311	Lâu Văn Đua	03/07/1973	38073004841	Bản Pha Đén	Pù Nhi	1	
312	Lò Văn Chung	04/08/1974	38074002761	Bản Bàn	Quang Chiểu	1	
313	Hà Văn Úi	24/11/1953	38053013492	Bản Pùng	Quang Chiểu	1	
314	Hà Thị Cười	24/04/1988	38188047062	Bản Mòng	Quang Chiểu	1	
315	Len Thị Bằng	8/9/1985	38185047336	Bản Mòng	Quang Chiểu	1	
316	Hà Văn Thuận	26/01/1995	38095040764	Bản Lát	Tam Chung	1	
317	Hà Thị Nộn	26/04/1976	38176023222	Bản Lát	Tam Chung	1	
318	Hà Văn Hoàn	19/03/1981	38081025835	Bản Lát	Tam Chung	1	
319	Vi Văn Nhiêu	20/10/1973	38073030638	Bản Cân	Tam Chung	1	
320	Ngân Thị Khiền	16/10/1982	38182006981	Bản Cân	Tam Chung	1	
321	Vi Văn Niên	12/02/1970	38070018717	Bản Cân	Tam Chung	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
322	Lộc Văn Đàn	21/09/1971	38071026262	Bản Cản	Tam Chung	1	
323	Sùng A Sảng	20/09/1999	38099023534	Bản Pom Khuông	Tam Chung	1	
324	Ngô Văn Vàng	01/01/1993	4093007713	Bản Pom Khuông	Tam Chung	1	
325	Sùng A Lành	15/10/1992	2092000013	Bản Pom Khuông	Tam Chung	1	
326	Hà Thị Châm	02/10/1965	38165003181	Khu phố 3	Thị trấn	1	
327	Lương Văn Hùng	19/04/1964	38064028648	Khu phố Na Khả	Thị trấn	1	
328	Lò Văn Dũng	07/07/1978	38078001813	Khu phố Na Khả	Thị trấn	1	
329	Lò Văn Nguyên	17/03/1979	38079033242	Khu phố Na Khả	Thị trấn	1	
330	Hà Văn Cường	15/08/2003	38203002250	Bản Cá Giăng	Trung Lý	1	
331	Giàng A Di	01/01/1978	14078011760	Bản Cánh Cộn	Trung Lý	1	
332	Lương Văn Tú	01/01/1990	38090024688	Bản Co Cài	Trung Lý	1	
333	Giàng A Vành	22/06/1985	10085000106	Bản Khảm 2	Trung Lý	1	
334	Vàng Thị Váng	04/10/1987	14187009242	Bản Khảm 2	Trung Lý	1	
335	Giàng A Xềng	15/07/1967	10067000064	Bản Khảm 2	Trung Lý	1	
336	Giàng A Sự	15/05/1972	10072000064	Bản Khảm 2	Trung Lý	1	
337	Giàng A Páo	23/09/1966	2066000010	Bản Khảm 2	Trung Lý	1	
338	Giàng A Hai	25/05/1984	10084000046	Bản Khảm 2	Trung Lý	1	
339	Giàng A Dị	03/05/1997	38097005820	Bản Khảm 2	Trung Lý	1	
340	Sùng A Chổng	10/05/1993	14093013903	Bản Pá Búa	Trung Lý	1	
341	Lộc Thị Thiều	10/05/1973	38173016506	Bản Táo	Trung Lý	1	
342	Vi Thị Khuyên	15/06/1973	38173022349	Bản Táo	Trung Lý	1	
343	Vi Thị Soạn	14/10/1985	38185005528	Bản Táo	Trung Lý	1	
344	Lương Văn Nhượng	25/05/1968	38068003620	Bản Táo	Trung Lý	1	
345	Hà Thị Huệ	04/02/1983	38183012909	Bản Táo	Trung Lý	1	
346	Lộc Văn Pém	03/03/1969	38069033661	Bản Táo	Trung Lý	1	
347	Lương Xuân Điệp	15/11/1980	38080004980	Bản Táo	Trung Lý	1	
348	Hà Văn Thắm	02/06/1962	38062004534	Bản Táo	Trung Lý	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
349	Lương Văn Hồn	13/05/1982	38082014883	Bản Táo	Trung Lý	1	
350	Lương Văn Hưởng	23/06/1963	38063003536	Bản Táo	Trung Lý	1	
351	Lục Thị Thu	12/02/1977	38177002667	Bản Táo	Trung Lý	1	
352	Lương Văn Hồn	11/09/1960	38060008330	Bản Táo	Trung Lý	1	
353	Lương Văn Piên	21/01/1991	38091040047	Bản Táo	Trung Lý	1	
354	Lương Văn Luân	07/01/1986	38086015652	Bản Táo	Trung Lý	1	
355	Ngân Thị Huyền	06/10/1979	38179005779	Bản Táo	Trung Lý	1	
356	Vi Thị Bình	14/04/1987	38187007624	Bản Táo	Trung Lý	1	
357	Sùng A Tráng	01/01/1980	14080007706	Bản Học	Trung Lý	1	
358	Sùng A Di	20/05/1990	14090010411	Bản Học	Trung Lý	1	
5.	Hộ dân tộc thiểu số						
359	Giang Văn Tình	16/01/1990	38090071617	Bản Nà Hin	Mường Chanh	1	
360	Phạm Bá Khánh	16/10/1986	38086041861	Nàng 1	Mường Lý	1	
361	Hà Văn Long	11/11/1995	38095027551	Nàng 1	Mường Lý	1	
362	Ngân Văn Hùng	17/04/1980	38080030067	Bản Tài Chánh	Mường Lý	1	
363	Lương Văn Quang	06/07/1990	38090012149	Bản Tài Chánh	Mường Lý	1	
364	Len Văn Thụ	21/04/1997	38097003676	Bản Tài Chánh	Mường Lý	1	
365	Nguyễn Hữu Trường	12/10/1999	38099014255	Bản Tài Chánh	Mường Lý	1	
366	Triệu Văn Chày	01/01/1968	38068034959	Bản Hạ Sơn	Pù Nhi	1	
367	Chá Văn Vư	07/05/1979	38079027305	Bản Pù Toong	Pù Nhi	1	
368	Chá Nọ Lâu	17/09/1964	38064028679	Bản Pù Toong	Pù Nhi	1	
369	Chá Hơ Pó	07/05/1985	38085007758	Bản Pù Toong	Pù Nhi	1	
370	Ngân Văn Khừn	12/03/1960	38060028455	Bản Pọng	Quang Chiểu	1	
371	Hà Văn Toàn	03/12/1984	38084051106	KP Tén Tăn	Thị trấn	1	
372	Lương Văn Bồng	17/06/1986	38086049271	KP Tén Tăn	Thị trấn	1	
373	Hà Văn Loản	15/12/1986	38086013977	KP Tén Tăn	Thị trấn	1	
374	Vi Văn Luân	12/01/1988	38088046748	KP Tén Tăn	Thị trấn	1	

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Địa chỉ		Nhu cầu nhà ở	
				Thôn/Bản/Làng/Tổ DP	Xã/phường/thị trấn	Xây mới	Sửa chữa
375	Hà Văn Chùng	03/01/1985	38085037714	KP Piềng Mòn	Thị trấn	1	
376	Hà Văn Chấn	07/06/1983	38083042572	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
377	Hà Văn Tuất	09/05/1983	38083009254	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
378	Hà Văn Hồng	17/07/1969	38069023502	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
379	Vi Văn Oan	14/08/1977	38077021498	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
380	Lộc Văn Thự	05/03/1983	38083009255	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
381	Lộc Văn Diệu	06/06/1976	38076022300	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
382	Hà Văn Chượng	05/01/1985	38085044898	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
383	Ngân Văn Phương	30/04/1994	38094038651	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
384	Lộc Văn Hiếu	21/09/1987	38087029555	Bản Pá Quăn	Trung Lý	1	
385	Đình Công Điều	02/02/1974	38074006082	Bản Lìn	Trung Lý	1	
386	Đình Công Đạo	11/03/1990	38090011301	Bản Lìn	Trung Lý	1	
387	Hà Thị Sùng	08/11/1969	38169002958	Bản Lìn	Trung Lý	1	
388	Đình Công Đàm	06/08/1983	38083018780	Bản Lìn	Trung Lý	1	